TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHỔ YÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 28/2019/QĐST-HN&GĐ	*Phổ Yên, ngày 20 tháng 02 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 09/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990.

HKTT: xóm X, xã T, thị xã Phổ Yên, tỉnhThái Nguyên.

- Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1985.

HKTT: xóm X, xã T, thị xã Phổ Yên, tỉnhThái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 357 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 02 năm 2019 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về hôn nhân và gia đình thụ lý số: 09/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 02 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990.
Anh Trần Văn H, sinh năm 1985.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đ□ơng sự cụ thể như sau:

* *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn H.

* *Về con chung*: Chị N, anh H xác định vợ chồng có 02 con chung là Trần Xuân Khánh, sinh ngày 12/03/2010 và Trần Khánh Phương, sinh ngày 30/7/2011. Chị N, anh H thỏa thuận: Anh Trần Văn H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung Trần Xuân Khánh và Trần Khánh Phương đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh H không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi 02 con chung, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị N. Chị Nguyễn Thị N có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc các con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

* *Về tài sản chung*: Không có, yêu cầu xem xét, giải quyết.

* *Về tài sản riêng:* Không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

* *Các khoản nợ chung, cho vay chung của vợ chồng:* Không có, không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết.

* *Về Án phí*: Chị N, anh H thỏa thuận: Chị Nguyễn Thị N tự nguyện nhận nộp 150.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0009867, ngày 08/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên. Chị Nguyễn Thị N được hoàn lại 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ□ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyên hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Thái Nguyên* ;
- *VKSND thị xã Phổ Yên;*
- *Chi cục THADS thị xã Phổ Yên;*
- *UBND xã Thành Công;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Kim Ngọc